

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06-09
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	10
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11-12
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	13-42

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hội đồng quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung về Công ty:

Thành lập:

Công ty CP Dược Medipharco được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Dược TW Huế và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Cổ phần số 3300101406 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 18/01/2006 và đã điều chỉnh lần thứ 10 ngày 03 tháng 01 năm 2019.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 202/2010/GCNCP-VSD ngày 13/08/2010 và chính thức giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 23/09/2010.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các chi nhánh sau:

Chi nhánh Hà Nội 1C1A đường Giải Phóng, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Chi nhánh Tp.HCM 33 Đường 16 Cư Xá Lữ Gia P.15, Quận 11, Tp. HCM.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh dược phẩm

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá.

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Buôn bán trang thiết bị, máy móc y tế.

Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. Chi tiết: Sản xuất rượu Hoàng Đế Minh Mạng.

Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh rượu.

Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết sản xuất thực phẩm chức năng;

Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, sản xuất các loại thuốc, sản xuất các loại sản phẩm y tế;

Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân;

Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ bảo quản thuốc chữa bệnh;

Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Đầu tư tài chính;

Buôn bán các đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết bán buôn thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế;

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thành phẩm tân dược nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế;

Dịch vụ phục vụ đồ uống;

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết kinh doanh các sản phẩm y tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tên tiếng anh: MEDIPHARCO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: MEDIPHARCO.

Mã chứng khoán: MTP (UpCom).

Trụ sở chính: Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên
Ông Tôn Thất Tâm	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong	Trưởng ban
Ông Trần Duy Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thê	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Phan Thị Minh Tâm	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Tôn Thất Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Bà Phan Thị Minh Tâm	Tổng Giám Đốc
----------------------	---------------

4. Các thông tin khác

Trong năm công ty thực hiện sáp nhập Công ty CP liên doanh Dược phẩm MedipharcoTenamyd BR s.r.l thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông khác ngoài Medipharco nắm giữ để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của Liên doanh cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông số 14/NQ- ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 11 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

5. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM (AISC) tại Đà Nẵng được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

6. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. Huế, ngày 30 tháng 03 năm 2020

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Phan Thị Minh Tâm

Chủ tịch Hội đồng quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 389A Điện Biên Phủ - Phường 4 - Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: B1119091-R/AISDN-DN **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi:

**QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược Medipharco, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 42 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Medipharco tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 03 năm 2020

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hiệp

Số Giấy CNĐKHNKT: 1401-2018-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

LÊ THỊ THÙY DƯƠNG

Số Giấy CNĐKHNKT: 3223-2020-005-1

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

Branch in Ha Noi: 6 Floor, 36 Hoa Binh 4 St., Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ha Noi

Branch in Danang: 350 Hai Phong St., Chinh Gian Ward, Thanh Khe Dist., Da Nang City

Rebrepresentative in Can Tho: 243/1A, 30/4 St., Ninh Kieu Dist., Can Tho City

Rebrepresentative in Hai Phong: 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist., Hai Phong City

Tel: (04) 3782 0045/46/47 Fax: (04) 3782 0048 Email: hanoi@aisc.com.vn

Tel: (0236)3 747 619 Fax: (0236)3 747 619 Email: aiscdn@gmail.com

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		395.007.500.567	423.036.302.802
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	7.373.139.587	20.694.062.203
1. Tiền	111		7.373.139.587	20.694.062.203
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	26.646.670.000	10.544.579.547
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26.646.670.000	10.544.579.547
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		227.854.860.853	242.181.070.517
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	225.290.480.095	186.558.313.785
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.373.246.525	55.265.844.190
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.297.245.062	490.847.741
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(106.110.829)	(133.935.199)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	126.550.836.388	144.996.798.233
1. Hàng tồn kho	141		126.550.836.388	144.996.798.233
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.581.993.739	4.619.792.302
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	295.462.463	254.886.790
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.268.124.776	4.283.958.538
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	18.406.500	80.946.974
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.072.349.417	43.577.218.970
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.882.482.685	19.577.218.970
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	33.882.482.685	19.577.218.970
- Nguyên giá	222		81.970.133.742	41.274.425.014
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.087.651.057)	(21.697.206.044)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	-	-
- Nguyên giá	228		-	517.186.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(517.186.800)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	-	24.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	24.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.10	189.866.732	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		189.866.732	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		429.079.849.984	466.613.521.772

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		347.436.245.670	413.117.143.939
I. Nợ ngắn hạn	310		341.436.245.670	404.909.230.759
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	52.904.386.345	86.111.146.516
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	2.488.608.441	1.881.308.142
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.323.623.527	4.269.897.110
4. Phải trả người lao động	314	V.14	826.261.246	2.361.297.241
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.427.875.050	1.967.755.662
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	857.470.042	544.769.782
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.630.287.985	555.285.480
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	279.414.679.173	307.079.073.594
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		563.053.861	138.697.232
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		6.000.000.000	8.207.913.180
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	6.000.000.000	8.207.913.180
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN

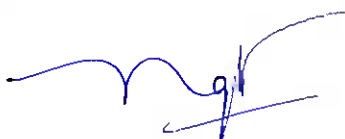
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

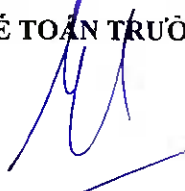
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		81,643,604,314	53,496,377,833
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	81,643,604,314	53,496,377,833
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		65,983,670,000	39,983,670,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			65,983,670,000	39,983,670,000
- Cổ phiếu ưu đãi			-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4,000,000	4,000,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,477,728,123	1,477,728,123
5. Cổ phiếu quỹ	415		(92,000,000)	(92,000,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,472,534,336	531,833,143
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		4,703,793,790	3,029,149,885
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8,093,878,065	8,561,996,682
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		424,596,669	243,256,789
LNST chưa phân phối năm nay	421b		7,669,281,396	8,318,739,893
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		429,079,849,984	466,613,521,772

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thanh Minh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Minh Ngọc

Tp. Huế, ngày 30 tháng 03 năm 2020



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

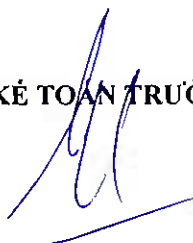
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.133.424.003.645	990.583.233.741
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.164.035.522	2.765.162.936
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.129.259.968.123	987.818.070.805
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.061.630.967.397	932.345.147.918
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		67.629.000.726	55.472.922.887
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	2.011.970.698	16.681.510.931
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	22.501.159.277	36.116.042.058
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		22.408.259.301	23.830.117.669
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	25.120.060.049	18.172.952.698
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	12.354.484.509	7.679.316.655
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		9.665.267.590	10.186.122.407
11. Thu nhập khác	31	VI.8	135.755.650	9.780.515
12. Chi phí khác	32	VI.9	146.743.275	114.821.131
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(10.987.625)	(105.040.616)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.654.279.965	10.081.081.791
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	1.985.024.569	4.850.222.898
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.669.255.396	5.230.858.893
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	1.163	1.125
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	1.163	1.125

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thanh Minh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Minh Ngọc

Tp. Huế, ngày 30 tháng 03 năm 2020



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Thị Minh Tâm

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018

Mẫu số B 03 - DN**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.654.279.965	10.081.081.791
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	5.719.595.861	2.744.173.978
- Các khoản dự phòng	03		(27.824.370)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		31.833.420	3.503.372
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.362.040.698)	(3.433.296.102)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	22.408.259.301	23.010.245.462
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.424.103.479	32.405.708.501
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		12.432.408.270	141.192.147.357
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		18.445.961.845	(9.891.128.140)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(33.643.459.931)	(144.752.459.435)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(230.442.405)	(87.232.700)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22.173.643.084)	(22.893.847.037)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(4.815.022.164)	(1.701.780.863)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	VII.1	2.747.099.914	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.251.005.200)	(1.237.828.316)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.936.000.724	(6.966.420.633)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/09/2018

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

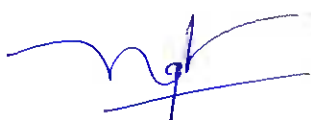
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.371.306.364)	(287.977.273)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.646.670.000)	(544.579.547)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		544.579.547	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	VII.1	24.000.000.000	13.500.000.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.5	1.508.521.691	1.933.296.102
8. Tăng (-), giảm (+) tài sản do sáp nhập	28		(17.800.034.205)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(10.764.909.331)	14.600.739.282
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	VII.1	26.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII.2	653.874.634.031	962.833.766.967
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.3	(683.746.941.632)	(975.428.443.502)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19	(6.593.767.000)	(2.096.780.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.466.074.601)	(14.691.456.535)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(13.294.983.208)	(7.057.137.886)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		20.694.062.203	27.754.703.461
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.939.408)	(3.503.372)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	7.373.139.587	20.694.062.203

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thanh Minh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Minh Ngọc



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty CP Dược Medipharco được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Dược TW Huế và chính thức đi vào hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Cổ phần số 3300101406 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 18/01/2006 và đã điều chỉnh lần thứ 10 ngày 03 tháng 01 năm 2019.

Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 202/2010/GCNCP-VSD ngày 13/08/2010 và chính thức giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 23/09/2010.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: MEDIPHARCO PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: MEDIPHARCO.

Mã chứng khoán: MTP (UpCom).

Trụ sở chính: Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh dược phẩm

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá.

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Buôn bán trang thiết bị, máy móc y tế.

Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh. Chi tiết: Sản xuất rượu Hoàng Đế Minh Mạng.

Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh rượu.

Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết sản xuất thực phẩm chức năng;

Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, sản xuất các loại thuốc, sản xuất các loại sản phẩm y tế;

Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học phục vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân;

Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ bảo quản thuốc chữa bệnh;

Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đầu tư tài chính;

Buôn bán các đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết bán buôn thành phẩm tân dược, nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế;

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ thành phẩm tân dược nguyên liệu, dược liệu, tinh dầu, hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế;

Dịch vụ phục vụ đồ uống;

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết kinh doanh các sản phẩm y tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Công ty chính thức sáp nhập giữa Công ty Cổ phần Dược Medipharco và Công ty CP liên doanh Dược phẩm MedipharcoTenamyd BR s.r.l được Sở Kế hoạch đầu tư Thừa Thiên Huế cấp GCNĐK doanh nghiệp 3300101406 - đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 01 năm 2020.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2019: 176 nhân viên. (Đến 31/12/2018: 92 nhân viên)

7. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Đơn vị trực thuộc

Địa chỉ

Chi nhánh Tại Hà Nội

1C1A Đường Giải Phóng, Quận Thanh Xuân, Thành Phố Hà Nội

Chi nhánh tại Hồ Chí Minh

33 Đường 16, Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Huế. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2019: 23.110 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Huế (VCB). Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2019: 23.230 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):

6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>5 - 25 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>5 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>10 năm</i>
<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>3 năm</i>

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ chi phí sửa chữa và các chi phí khác.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ tối đa 12 tháng, chi phí trả trước dài hạn tối đa 36 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm: chi phí lãi vay và các chi phí phải trả khác đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần và vốn khác.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Vốn khác: Phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần"

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong kỳ làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau: thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty đã được Thanh tra tỉnh Thừa Thiên Huế kiểm tra đến năm 2018.

19. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Công cụ tài chính:**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

21. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2019	01/01/2019
Tiền	7.373.139.587	20.694.062.203
Tiền mặt	153.544.820	1.356.062.632
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.219.594.767	19.337.999.571
+ VNĐ	7.191.601.728	19.198.772.693
+ USD	27.993.039	139.226.878
Cộng	7.373.139.587	20.694.062.203

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	26.646.670.000	26.646.670.000	10.544.579.547	10.544.579.547
Cộng	26.646.670.000	26.646.670.000	10.544.579.547	10.544.579.547

(*) Khoản tiền gửi tiết kiệm đã được thế chấp đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Huế theo hợp đồng tiền gửi số 460/2019/16038 với giá trị 10 tỷ đồng.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2019				01/01/2019			
	Số lượng tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng tỷ lệ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-	-		24.000.000.000	-	24.000.000.000
Công ty CP liên doanh Dược phẩm MedipharcoTenamyd BR s.r.l (*)	0%	-	-	-	48%	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Cộng		-	-	-		24.000.000.000	-	24.000.000.000

- Tình hình hoạt động công ty liên doanh, liên kết

(*) - Công ty CP Liên doanh Dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l được thành lập theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 311032000039 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 17 tháng 08 năm 2011 và các Giấy Chứng nhận điều chỉnh. Công ty có trụ sở đăng ký tại số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất Dược phẩm, sản xuất mỹ phẩm, sản xuất Thực phẩm chức năng, sản xuất rượu Hoàng Đế Minh Mạng.

- Công ty CP liên doanh Dược phẩm MedipharcoTenamyd BR s.r.l sáp nhập vào Công ty Cổ phần Dược Medipharco theo Hợp đồng sáp nhập doanh nghiệp giữa Công ty Cổ phần Dược Medipharco và Công ty CP liên doanh Dược phẩm MedipharcoTenamyd BR s.r.l ngày 12 tháng 11 năm 2018.

- Tại ngày 03 tháng 01 năm 2019, Công ty chính thức chấm dứt sự tồn tại sau khi thực hiện sáp nhập giữa Công ty Cổ phần Dược Medipharco và Công ty CP liên doanh Dược phẩm MedipharcoTenamyd BR s.r.l được Sở Kế hoạch đầu tư Thừa Thiên Huế cấp GCNĐK doanh nghiệp 3300101406 - đăng ký thay đổi lần thứ 10.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	225.290.480.095	(106.110.829)	186.558.313.785	(133.935.199)
Khách hàng trong nước	225.290.480.095	(106.110.829)	186.558.313.785	(133.935.199)
<i>Công ty CP Dược Phẩm Calapharco</i>	41.432.117.567	-	14.927.188.591	-
<i>Công ty CP Dược Phẩm Tenamyd</i>	39.004.422.092	-	920.379.006	-
<i>Công ty Cổ Phần Vi Anh Pharma</i>	63.143.861.185	-	102.920.962.763	-
<i>Khách hàng khác</i>	81.710.079.251	(106.110.829)	67.789.783.425	(133.935.199)
Cộng	225.290.480.095	(106.110.829)	186.558.313.785	(133.935.199)

Trong khoản phải thu khách hàng đến ngày 31/12/2019 có khoản phải thu trị giá 142.335.907.579 VND được dùng làm tài sản thế chấp vay ngân hàng.

4. Trả trước cho người bán	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.373.246.525	-	55.265.844.190	-
Nhà cung cấp trong nước	1.096.053.000	-	700.608.322	-
<i>Công ty Cổ Phần Vi Anh Pharma</i>	300.003.000	-	-	-
<i>Công ty TNHH RELIV Pharma</i>	779.000.000	-	410.000.000	-
<i>Công ty khác</i>	17.050.000	-	290.608.322	-
Nhà cung cấp nước ngoài	277.193.525	-	54.565.235.868	-
<i>Societe Immo Asie Inc</i>	277.193.525	-	54.530.848.868	-
<i>Công ty khác</i>	-	-	34.387.000	-
Cộng	1.373.246.525	-	55.265.844.190	-

5. Phải thu khác	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	1.297.245.062	-	490.847.741	-
Phải thu tạm ứng	28.645.167	-	32.000.000	-
Ký quỹ ký cược	481.995.307	-	290.642.241	-
Phải thu khác	786.604.588	-	168.205.500	-
<i>Lãi dự thu</i>	703.269.957	-	-	-
<i>BHXXH nộp thừa</i>	3.682.220	-	68.727.675	-
<i>Lã Hồng Quân</i>	75.000.000	-	75.000.000	-
<i>Phải thu khác</i>	4.652.411	-	24.477.825	-
Cộng	1.297.245.062	-	490.847.741	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	132.659.499	26.548.670	158.685.434	24.750.235
Nợ quá hạn trên 3 năm	79.562.159	-	128.587.232	9.701.133
Nợ quá hạn trên 2 năm	-	-	30.098.202	15.049.102
Nợ quá hạn trên 1 năm	53.097.340	26.548.670	-	-
Cộng	132.659.499	26.548.670	158.685.434	24.750.235

7. Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	524.751.840	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	31.463.046.251	-	4.706.511.101	-
Công cụ, dụng cụ	9.368.000	-	17.395.795	-
Chi phí SX, KD dở dang	5.450.548.147	-	89.282.393	-
Thành phẩm	23.908.842.246	-	31.172.059.323	-
Hàng gửi đi bán	2.228.086.557	-	-	-
Hàng hoá	62.966.193.347	-	109.011.549.621	-
Cộng	126.550.836.388	-	144.996.798.233	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.

- Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: 65.743.619.487 VND

1131#02724.05.1011

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư tại ngày 01/01/2019	24.883.214.993	13.926.460.475	2.464.749.546	41.274.425.014
Mua trong năm	-	2.371.306.364	-	2.371.306.364
Tăng do sáp nhập	16.169.570.455	24.677.939.348	38.623.000	40.886.132.803
Thanh lý, nhượng bán	(963.400.742)	(1.598.329.697)	-	(2.561.730.439)
Số dư tại ngày 31/12/2019	40.089.384.706	39.377.376.490	2.503.372.546	81.970.133.742
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại ngày 01/01/2019	9.915.487.065	9.980.900.600	1.800.818.379	21.697.206.044
Khấu hao trong năm	2.629.443.504	3.013.873.997	76.278.360	5.719.595.861
Tăng do sáp nhập	8.479.327.048	14.568.148.550	38.623.000	23.086.098.598
Tăng khác	-	-	17.426.240	17.426.240
Thanh lý, nhượng bán	(845.125.320)	(1.570.124.126)	-	(2.415.249.446)
Giảm khác	-	(17.426.240)	-	(17.426.240)
Số dư tại ngày 31/12/2019	20.179.132.297	25.975.372.781	1.933.145.980	48.087.651.057
Giá trị còn lại				
Số dư tại ngày 01/01/2019	14.967.727.928	3.945.559.875	663.931.167	19.577.218.970
Số dư tại ngày 31/12/2019	19.910.252.409	13.402.003.710	570.226.567	33.882.482.685

* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.828.075.542 VNĐ

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.945.677.868 VNĐ

* Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: không có

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

9. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	517.186.800	517.186.800
Tăng do sáp nhập	7.500.000.000	-	7.500.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(7.500.000.000)	(517.186.800)	(8.017.186.800)
Số dư tại ngày 31/12/2019	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	517.186.800	517.186.800
Tăng do sáp nhập	7.500.000.000	-	7.500.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(7.500.000.000)	(517.186.800)	(8.017.186.800)
Số dư tại ngày 31/12/2019	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2019	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2019	-	-	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

Trang 24

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VNĐ

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VNĐ.

* Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VNĐ.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không phát sinh

10. Chi phí trả trước	31/12/2019	01/01/2019
Chi phí trả trước ngắn hạn	295.462.463	254.886.790
Tiền thuê nhà	175.000.000	166.670.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	6.453.790
Chi phí sửa chữa văn phòng	120.462.463	81.763.000
Chi phí trả trước dài hạn	189.866.732	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.968.929	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	187.897.803	-
Cộng	485.329.195	254.886.790

11. Phải trả người bán	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Nhà cung cấp trong nước	52.637.485.260	52.637.485.260	85.956.690.716	85.956.690.716
<i>Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Tenamyd</i>	28.261.935.989	28.261.935.989	27.038.146.334	27.038.146.334
<i>Công ty CP LD Dược Phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l</i>	-	-	31.701.103.643	31.701.103.643
<i>Công ty Cổ phần Dược Phẩm Phong Hòa</i>	6.339.484.897	6.339.484.897	-	-
<i>Công ty khác</i>	18.036.064.374	18.036.064.374	27.217.440.739	27.217.440.739
Nhà cung cấp nước ngoài	266.901.085	266.901.085	154.455.800	154.455.800
<i>Neo Unicap Co.Ltd</i>	146.801.985	146.801.985	146.876.800	146.876.800
<i>Công ty khác</i>	120.099.100	120.099.100	7.579.000	7.579.000
Cộng	52.904.386.345	52.904.386.345	86.111.146.516	86.111.146.516

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

<i>Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Anh</i>	8.945.068	8.945.068	17.409.682	17.409.682
<i>Công Ty TNHH SX-TM-DV bao bì Tân Toàn Phát</i>	2.295.147.315	2.295.147.315	28.760.050	28.760.050
Cộng	2.304.092.383	2.304.092.383	46.169.732	46.169.732

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Người mua trả tiền trước	31/12/2019	01/01/2019
Ngắn hạn	2.488.608.441	1.881.308.142
Khách hàng trong nước	891.406.953	1.625.241.282
<i>Công ty TNHH Đầu tư Nhập khẩu Dược Đông Nam Á</i>	<i>416.000.000</i>	<i>177.488.172</i>
<i>Công ty TNHH Dược Phẩm Hoa Sen</i>	-	<i>588.978.227</i>
<i>Khách hàng khác</i>	<i>475.406.953</i>	<i>858.774.883</i>
Khách hàng nước ngoài	1.597.201.488	256.066.860
<i>Tay Za Aung Company Limited - Myanmar</i>	<i>1.094.422.542</i>	<i>123.482.514</i>
<i>MEDICAL DO-S CO.,LTD</i>	<i>301.129.200</i>	-
<i>Khách hàng khác</i>	<i>201.649.746</i>	<i>132.584.346</i>
Cộng	2.488.608.441	1.881.308.142

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019
a. Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	66.894.372	1.247.424.486	1.314.318.858	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.180.972.986	8.180.972.986	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	220.201.298	672.190.979	688.766.008	203.626.269
Thuế xuất nhập khẩu	-	40.398.210	40.398.210	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.760.728.749	2.016.015.342	4.815.022.164	961.721.927
Thuế thu nhập cá nhân	222.072.691	205.393.653	269.191.013	158.275.331
Thuế nhà đất	-	388.795.027	388.795.027	-
Các khoản phí và các khoản phải nộp khác	-	3.495.975	3.495.975	-
Cộng	4.269.897.110	12.754.686.658	15.700.960.241	1.323.623.527
b. Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	-	-	57.500	57.500
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	36.306.366	36.306.366	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	36.946.611	36.946.611	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	7.693.997	7.693.997	-	-
Các khoản phí và các khoản phải nộp khác	-	-	18.349.000	18.349.000
Cộng	80.946.974	80.946.974	18.406.500	18.406.500

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2019	01/01/2019
14. Phải trả người lao động		
Phải trả người lao động	826.261.246	2.361.297.241
Cộng	826.261.246	2.361.297.241
15. Chi phí phải trả		
Ngắn hạn	1.427.875.050	1.967.755.662
Chi phí lãi vay	1.057.991.796	823.375.579
Trích trước chi phí chương trình khuyến mãi	-	898.588.185
Trích trước chi phí thường	232.035.500	210.197.100
Trích trước chi phí làm bằng hiệu các hiệu thuốc	-	31.536.074
Chi phí phải trả khác	137.847.754	4.058.724
Cộng	1.427.875.050	1.967.755.662
16. Doanh thu chưa thực hiện		
Ngắn hạn	857.470.042	544.769.782
Doanh thu nhận thuốc hoạt động bán thuốc	857.470.042	544.769.782
Cộng	857.470.042	544.769.782
17. Phải trả khác		
Ngắn hạn	1.630.287.985	555.285.480
Kinh phí công đoàn	-	4.257.805
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-	54.942.775
Bảo hiểm thất nghiệp	-	22.483.900
Phải trả khác	1.630.287.985	473.601.000
<i>Công ty TNHH Bruschettini S.R.L - Italia</i>	<i>1.000.000.000</i>	-
<i>UBND Thị xã Hương Trà</i>	<i>364.940.000</i>	<i>364.940.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>265.347.985</i>	<i>108.661.000</i>
Cộng	1.630.287.985	555.285.480

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	279.414.679.173	279.414.679.173	307.079.073.594	307.079.073.594
Vay ngân hàng	249.708.436.053	249.708.436.053	275.552.473.374	275.552.473.374
+ Ngân hàng TMCP Quân đội CN Huế	99.908.022.531	99.908.022.531	86.212.772.642	86.212.772.642
+ Ngân hàng Vietcombank CN Huế	29.820.177.004	29.820.177.004	63.746.641.561	63.746.641.561
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển VN CN Huế	19.982.996.422	19.982.996.422	-	-
+ Ngân hàng Viettinbank CN Huế	49.997.240.096	49.997.240.096	89.562.017.412	89.562.017.412
+ Ngân hàng Quân đội CN Bắc Sài Gòn	50.000.000.000	50.000.000.000	36.031.041.759	36.031.041.759
Vay dài hạn đến hạn trả	145.116.000	145.116.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển VN CN Huế	145.116.000	145.116.000	-	-
Vay cá nhân	29.561.127.120	29.561.127.120	31.526.600.220	31.526.600.220
b. Vay dài hạn	6.000.000.000	6.000.000.000	8.207.913.180	8.207.913.180
Vay ngân hàng	-	-	2.207.913.180	2.207.913.180
+ Ngân hàng Vietcombank CN Huế	-	-	2.207.913.180	2.207.913.180
Vay cá nhân	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	285.414.679.173	285.414.679.173	315.286.986.774	315.286.986.774
c. Vay các bên liên quan				
Nguyễn Thị Kim Dung	1.557.484.800	1.557.484.800	1.520.478.900	1.520.478.900
Cộng	1.557.484.800	1.557.484.800	1.520.478.900	1.520.478.900

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Huế gồm các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
19996.19..501.302062 .TG.DN ngày 19/02/2019	6 tháng theo từng lần nhận nợ	Được xác định theo từng lần giải ngân	99.908.022.531	- Hợp đồng tiền gửi, Hàng tồn kho và quyền đòi nợ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng Vietcombank - CN Huế gồm có hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
456/HĐTD/MEDI ngày 29/03/2019	6 tháng theo từng lần nhận nợ	Được xác định theo từng lần giải ngân	29.820.177.004	(*)

(*) Hình thức đảm bảo:

- Nhà xưởng, Máy móc thiết bị thuộc Dự án "Xưởng thực phẩm chức năng" theo Hợp đồng đảm bảo: HĐBĐ số 2016/NHAXUONG-DA ngày 11/04/2016, HĐBĐ số 2016/MMTB-DA ngày 31/03/2016.

- Máy móc thiết bị theo các hợp đồng thế chấp: HĐTC số 03/MEDI/TCTS/2013 ngày 25/12/2013, HĐTC số 440/HĐTC ngày 23/12/2014, HĐTC số 01-MEDI2011/VCB-TCĐS ngày 12/10/2011

- Hàng tồn kho và các khoản phải thu

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển VN CN Huế gồm các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
01/2019/6574448/HĐ TD ngày 20/05/2019	6 tháng theo từng lần nhận nợ	Được xác định theo từng lần giải ngân	19.982.996.422	(**)
02/2017/10294571/H ĐTD	60 tháng	Lãi suất áp dụng cho 12 tháng đầu tiên là: 9,5%.	145.116.000	

(**) Hình thức đảm bảo:

- Thế chấp bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án "Đầu tư MMTB cho sản xuất thuốc tân dược" với tổng giá trị đầu tư là: 8.932.768.900 VNĐ.

Khoản vay Ngân hàng Viettinbank - CN Huế gồm có các hợp đồng vay sau:

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
HĐCVHM-SDDBS/NHCT460-MEDIPHARCO ngày 04/06/2019	6 tháng theo từng lần nhận nợ	Được xác định theo từng lần giải ngân	49.997.240.096	Thế chấp tài sản và Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)*Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn gồm các hợp đồng vay sau:*

Số hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Số dư	Hình thức đảm bảo
30788.19.201.302062. TD ký ngày 20/02/2019	6 tháng theo từng lần nhận nợ	Được xác định theo từng lần giải ngân	50.000.000.000	(***)

*(***) Hình thức đảm bảo:*

- Tiền ký quỹ tại NH TMCP Quân đội, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm và giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành.
- Bất động sản tại số 33 Đường 16 Cư xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh, hàng tồn kho, nợ phải thu khách hàng, tín chấp.
- Hàng tồn kho, quyền đòi nợ

Thuyết minh các khoản vay cá nhân*Khoản vay ngắn hạn và dài hạn cá nhân trả lãi hằng tháng với lãi suất 6,7%/ năm không có tài sản đảm bảo. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh*

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2018	30.000.000.000	4.000.000	(92.000.000)	11.461.398.123	293.763.143	2.894.649.885	6.087.692.789	50.649.503.940
- Lợi nhuận trong năm 2018	-	-	-	-	-	-	5.230.858.893	5.230.858.893
- Tăng vốn	9.983.670.000	-	-	(9.983.670.000)	-	-	-	-
- Trích quỹ hên thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(220.650.000)	(220.650.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác thuộc vốn của CSH	-	-	-	-	238.070.000	134.500.000	(372.570.000)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.096.780.000)	(2.096.780.000)
- Phạt và truy thu thuế theo QĐTT 633 ngày 10/07/2019	-	-	-	-	-	-	(66.555.000)	(66.555.000)
Số dư tại ngày 31/12/2018	39.983.670.000	4.000.000	(92.000.000)	1.477.728.123	531.833.143	3.029.149.885	8.561.996.682	53.496.377.833
Số dư tại ngày 01/01/2019	39.983.670.000	4.000.000	(92.000.000)	1.477.728.123	531.833.143	3.029.149.885	8.561.996.682	53.496.377.833
- Lợi nhuận trong năm 2019	-	-	-	-	-	-	7.669.255.396	7.669.255.396
- Tăng vốn (*)	26.000.000.000	-	-	-	-	-	-	26.000.000.000
- Tăng do sáp nhập	-	-	-	-	369.370.643	2.196.363.391	180.965.082	2.746.699.116
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	400.798	400.798
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(737.705.348)	(737.705.348)
- Trích quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác thuộc vốn của CSH	-	-	-	-	571.330.550	415.936.995	(987.267.545)	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(6.593.767.000)	(6.593.767.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(937.656.481)	-	(937.656.481)
Số dư tại ngày 31/12/2019	65.983.670.000	4.000.000	(92.000.000)	1.477.728.123	1.472.534.336	4.703.793.790	8.093.878.065	81.643.604.314

(*) Theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông ngày 10 tháng 11 năm 2018, Đại hội cổ đông đã nhất trí thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông của Công ty CP liên doanh Dược phẩm MedipharcoTenamyd BR s.r.l hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của Liên doanh cho các cổ đông hiện hữu (không bao gồm Medipharco) để sáp nhập làm tăng vốn điều lệ từ 39.983.670.000 đồng lên 65.983.670.000 đồng tương ứng 2.600.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2019	01/01/2019
Nguyễn Văn Hoàng	15,17%	10.010.590.000	-
Nguyễn Thị Tú Quỳnh	15,16%	10.000.000.000	-
Nguyễn Thị Phương Trâm	10,17%	6.707.720.000	6.707.720.000
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	9,10%	6.004.440.000	6.004.440.000
Hoàng Ngọc Hoài Phong	8,08%	5.333.200.000	5.533.340.000
Vốn góp cổ đông khác	42,26%	27.881.720.000	21.692.170.000
Cổ phiếu quỹ	0,07%	46.000.000	46.000.000
Cộng	100,00%	65.983.670.000	39.983.670.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2019	Năm 2018
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	39.983.670.000	357.232.489.808
<i>Vốn góp đầu năm</i>	39.983.670.000	30.000.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	26.000.000.000	9.983.670.000
<i>Vốn góp cuối năm</i>	65.983.670.000	39.983.670.000
Lợi nhuận đã chia	6.593.767.000	2.096.780.000

d. Cổ tức

	Năm 2019	Năm 2018
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ		
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i>	<i>chưa công bố</i>	<i>10,00%</i>

đ. Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.598.367	3.998.367
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.598.367	3.998.367
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.598.367	3.998.367
Số lượng cổ phiếu được mua lại	4.600	4.600
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.600	4.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.593.767	3.993.767
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.593.767	3.993.767
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2019		01/01/2019	
	Số lượng (USD)	Giá trị VND	Giá trị (USD)	Giá trị VND
USD	1.212,87	27.993.039	6.014,12	139.226.878
Cộng	1.212,87	27.993.039	6.014,12	139.226.878

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng hóa thành phẩm		
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng và thành phẩm	1.133.424.003.645	990.583.233.741
Cộng	1.133.424.003.645	990.583.233.741
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	4.164.035.522	2.765.162.936
Cộng	4.164.035.522	2.765.162.936
3. Doanh thu thuần về bán hàng		
Doanh thu thuần về bán hàng và thành phẩm	1.129.259.968.123	987.818.070.805
Cộng	1.129.259.968.123	987.818.070.805
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.061.630.967.397	932.345.147.918
Cộng	1.061.630.967.397	932.345.147.918
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	1.508.521.691	433.296.102
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.500.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn cổ phần	-	13.500.000.000
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	404.740.111	1.244.043.471
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại công nợ cuối năm	98.708.896	4.171.358
Cộng	2.011.970.698	16.681.510.931
6. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	22.408.259.301	23.830.117.669
Chuyển nhượng vốn cổ phần	-	12.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	61.066.556	282.421.017
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	31.833.420	3.503.372
Cộng	22.501.159.277	36.116.042.058

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2019	Năm 2018
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	9.073.334.564	9.203.208.021
Chi phí vật liệu, bao bì, CCDC	130.881.625	105.414.715
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	103.741.652	98.376.307
Thuế, phí, lệ phí	79.750.169	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.909.408.275	6.021.268.546
Chi phí bằng tiền khác	5.822.943.764	2.744.685.109
Cộng	25.120.060.049	18.172.952.698
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	4.720.302.100	3.338.997.539
Chi phí vật liệu, bao bì, đồ dùng văn phòng	77.531.063	90.173.499
Chi phí đồ dùng văn phòng	150.859.675	186.443.928
Chi phí khấu hao TSCĐ	779.231.013	573.546.032
Thuế, phí, lệ phí	364.696.330	96.945.545
Dự phòng công nợ phải thu khó đòi	(27.824.370)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.660.118.629	1.371.115.187
Chi phí bằng tiền khác	4.629.570.069	2.022.094.925
Cộng	12.354.484.509	7.679.316.655
8. Thu nhập khác	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập khác	135.755.650	9.780.515
Cộng	135.755.650	9.780.515
9. Chi phí khác	Năm 2019	Năm 2018
Giá trị còn lại của TSCĐ	146.480.993	-
Chi phí khác	262.282	114.821.131
Cộng	146.743.275	114.821.131
Thuyết minh hoạt động thanh lý tài sản	Năm 2019	Năm 2018
Thu từ thanh lý	-	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	146.480.993	-
Lãi/(lỗ) từ thanh lý tài sản	(146.480.993)	-
10. Chi phí kinh doanh theo yếu tố	Năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	90.139.617.951	3.674.663.960
Chi phí nhân công	21.946.957.116	12.835.090.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.630.862.861	2.613.191.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.819.141.093	7.485.720.859
Chi phí khác bằng tiền	11.889.280.472	5.276.639.248
Cộng	161.425.859.493	31.885.306.605

105/3
17/11/19

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Năm 2019	Năm 2018
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.654.279.965	10.081.081.791
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	270.842.879	(1.269.372.302)
Các khoản điều chỉnh tăng	274.346.251	245.231.437
+ Chi phí phạt vi phạm hành chính	8.406.843	114.528.065
+ Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	25.939.408	3.503.372
+ Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	-	127.200.000
+ Chi phí không hợp lệ khác	240.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(3.503.372)	(1.514.603.739)
+ Cổ tức được chia	-	(1.500.000.000)
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá năm trước	(3.503.372)	(14.603.739)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá năm nay	-	(1.172.538)
3. Thu nhập chịu thuế năm hiện hành (1+2)	9.925.122.844	8.811.709.489
4. Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
5. Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	1.985.024.569	1.762.341.898
6. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	3.087.881.000
Truy thu thuế theo Quyết định 633/QĐ-TTr ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Thanh tra tỉnh Thừa Thiên Huế.	-	3.087.881.000
7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.985.024.569	4.850.222.898
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.669.255.396	5.230.858.893
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(737.705.348)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.669.255.396	4.493.153.545
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.593.767	3.993.767
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.163	1.125
<i>Trong năm, Công ty áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ tài Chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế.</i>		
13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2019	Năm 2018
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.669.255.396	4.493.153.545
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	7.669.255.396	4.493.153.545
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.593.767	3.993.767
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	6.593.767	3.993.767
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.163	1.125

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

14.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm 2019		
VND	+ 100	(2.514.228.626)
	- 100	2.514.228.626
USD	+100	279.930
	-100	(279.930)
Năm 2018		
VND	+ 200	(5.683.751.438)
	- 200	5.683.751.438
USD	+100	(1.392.269)
	-100	1.392.269

Mức tăng/giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mã số thuế: 3300101406

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể

14.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

Phải thu khách hàng	Không quá hạn		Quá hạn	
	không bị suy giảm	bị suy giảm	không bị suy giảm	bị suy giảm
Ngày 31 tháng 12 năm 2019				
Dưới 90 ngày	225.157.820.596	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	132.659.499
Tổng cộng giá trị ghi sổ	225.157.820.596	-	-	132.659.499
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(106.110.829)
Giá trị thuần	225.157.820.596	-	-	26.548.670
Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Dưới 90 ngày	186.399.628.351	-	-	-
>181 ngày	-	-	-	158.685.434
Tổng cộng giá trị ghi sổ	186.399.628.351	-	-	158.685.434
Dự phòng giảm giá trị	-	-	-	(133.935.199)
Giá trị thuần	186.399.628.351	-	-	24.750.235

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

Trang 37

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31/12/2019	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	279.414.679.173	6.000.000.000	-	285.414.679.173
Phải trả người bán	52.904.386.345	-	-	52.904.386.345
Chi phí phải trả	1.427.875.050	-	-	1.427.875.050
Các khoản phải trả khác	630.287.985	-	-	630.287.985
Cộng	334.377.228.553	6.000.000.000	-	340.377.228.553
Ngày 31/12/2018	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	307.079.073.594	8.207.913.180	-	315.286.986.774
Phải trả người bán	86.111.146.516	-	-	86.111.146.516
Chi phí phải trả	1.967.755.662	-	-	1.967.755.662
Các khoản phải trả khác	473.601.000	-	-	473.601.000
Cộng	395.631.576.772	8.207.913.180	-	403.839.489.952

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và kiểm soát dòng tiền lưu chuyển thuần từ hoạt động để có thể thanh toán các khoản công nợ đến hạn thanh toán.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng một phần tài sản là bất động sản, máy móc thiết bị, cổ phiếu, hàng tồn kho và quyền đòi nợ làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh V.18 Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

11/07/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu số B 09 - DN***Đơn vị tính: Đồng Việt Nam***15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2019		31/12/2018		31/12/2019	31/12/2018
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	26.646.670.000	-	10.544.579.547	-	26.646.670.000	10.544.579.547
- Phải thu khách hàng	225.290.480.095	(106.110.829)	186.558.313.785	(133.935.199)	225.184.369.266	186.424.378.586
- Phải thu khác	1.264.917.675	-	458.847.741	-	1.264.917.675	458.847.741
- Tiền và các khoản tương đương tiền	7.373.139.587	-	20.694.062.203	-	7.373.139.587	20.694.062.203
TỔNG CỘNG	260.575.207.357	(106.110.829)	218.255.803.276	(133.935.199)	260.469.096.528	218.121.868.077
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	285.414.679.173	-	315.286.986.774	-	285.414.679.173	315.286.986.774
- Phải trả người bán	52.904.386.345	-	86.111.146.516	-	52.904.386.345	86.111.146.516
- Chi phí phải trả	1.427.875.050	-	1.967.755.662	-	1.427.875.050	1.967.755.662
- Nợ phải trả tài chính khác	630.287.985	-	473.601.000	-	630.287.985	473.601.000
TỔNG CỘNG	340.377.228.553	-	403.839.489.952	-	340.377.228.553	403.839.489.952

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.**

Ảnh hưởng từ các nghiệp vụ sáp nhập công ty Liên doanh Dược phẩm Medipharco Tenamyd BR S.R.L vào công ty trong năm nên phát sinh các giao dịch không bằng tiền nhưng ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.

	Năm 2019	Năm 2018
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.747.099.914	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24.000.000.000	-
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	26.000.000.000	-

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	653.874.634.031	962.833.766.967

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2019	Năm 2018
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	683.746.941.632	975.428.443.502

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm 2019 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh	Năm 2019
Công ty TNHH Dược Phẩm Việt Anh	Cổ đông	Phải trả tiền mua hàng	Số dư đầu năm	17.409.682
			Phát sinh tăng	169.361.049
			Phát sinh giảm	177.825.663
			Số dư cuối năm	8.945.068
Công Ty TNHH SX-TM-DV bao bì Tân Toàn Phát	Cổ đông	Phải trả tiền mua hàng	Số dư đầu năm	28.760.050
			Phát sinh tăng	3.312.475.088
			Phát sinh giảm	1.046.087.823
			Số dư cuối năm	2.295.147.315
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên HĐQT	Phải trả tiền vay	Số dư đầu năm	1.520.478.900
			Phát sinh tăng	1.787.005.900
			Phát sinh giảm	1.750.000.000
			Số dư cuối năm	1.557.484.800

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		Năm 2019	Năm 2018
Ban Tổng Giám đốc	Lương, Thù lao	1.818.314.000	1.307.132.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận:

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ chứ không dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực địa lý

a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực địa lý năm 2019

Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: Huế, Hồ Chí Minh, Hà Nội. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Năm 2019	Huế	Hồ Chí Minh	Hà Nội	Tổng Cộng
Doanh thu	357.708.562.760	694.188.614.001	77.362.791.362	1.129.259.968.123
Giá vốn	335.449.897.684	673.140.440.101	53.040.629.612	1.061.630.967.397
Lãi gộp theo bộ phận	22.258.665.076	21.048.173.900	24.322.161.750	67.629.000.726

b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực địa lý năm 2018

Công ty báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: Huế, Hồ Chí Minh, Hà Nội. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

Năm 2018	Huế	Hồ Chí Minh	Hà Nội	Tổng Cộng
Doanh thu	580.094.191.574	313.597.201.839	94.126.677.392	987.818.070.805
Giá vốn	552.049.134.110	314.782.947.245	65.513.066.563	932.345.147.918
Lãi gộp theo bộ phận	28.045.057.464	(1.185.745.406)	28.613.610.829	55.472.922.887

5. Những thông tin khác.

Trong năm công ty thực hiện sáp nhập Công ty CP liên doanh Dược phẩm MedipharcoTenamyd BR s.r.l thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông khác ngoài Medipharco nắm giữ để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của Liên doanh cho các cổ đông hiện hữu theo Nghị Quyết Đại hội cổ đông số 14/NQ- ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 11 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO

Số 8 Nguyễn Trường Tộ - Phường Phước Vĩnh - Thành phố Huế - Tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện Thoại: 0234 3822701; Fax: 0234 3826077

Mã số thuế: 3300101406

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày lại cho phù hợp với Quyết định 633/QĐ-TTr ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Thanh tra tỉnh Thừa Thiên Huế.

Chi tiêu	Mã số	Năm 2018	Năm 2018	Chênh lệch
		Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Khoản mục Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1.762.341.898	4.850.222.898	3.087.881.000
Khoản mục Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	8.318.739.893	5.230.858.893	(3.087.881.000)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.083	(958)	1.125
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.083	(958)	1.125
Chi tiêu	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Chênh lệch
Trên bảng cân đối kế toán				
Khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.115.461.110	4.269.897.110	3.154.436.000
Khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	11.716.432.682	8.561.996.682	(3.154.436.000)
Khoản mục LNST chưa phân phối năm trước	421a	3.397.692.789	243.256.789	(3.154.436.000)

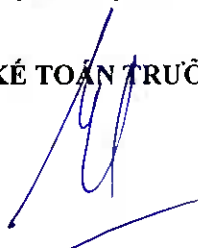
7. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Tp. Huế, ngày 30 tháng 03 năm 2020

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thanh Minh

Nguyễn Minh Ngọc

Phan Thị Minh Tâm